

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2020/TLST- KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2020, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Tên công ty viết bằng tiếng việt: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM ASSET MANAGEMENT COMPANY.

Tên công ty viết tắt: VAMC.

Địa chỉ trụ sở chính: phường L, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên – Là người đại diện theo pháp luật của công ty, cư trú tại: Số phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; Ông Phạm Đức T – Chức danh: Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, chi nhánh L (Tên chi nhánh viết tắt: SHB L). Địa chỉ: phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai – Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền số 417/UQ-TGD ngày 03/12/2019*)

Bị đơn: Tên công ty viết tắt bằng tiếng việt: Công ty cổ phần T.

Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài: TU DINH JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ trụ sở: huyện S, tỉnh Lào Cai, Việt Nam (Nay là thị xã S, tỉnh Lào Cai). Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10, ngày 24 tháng 12 năm 2019.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Thanh C - Chức vụ: Giám đốc, cư trú tại: phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, Việt Nam – Là người đại diện theo pháp luật của công ty.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận khoản tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ:

2.1.1. Xác nhận khoản tiền nợ: Bị đơn Công ty cổ phần T còn nợ Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng số tiền là: 408.531.892.425VNĐ (*Bốn trăm linh tám tỷ, năm trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm chín hai nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là: 331.154.880.230VNĐ (*Ba trăm ba mươi mốt tỷ một trăm năm mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn hai trăm ba mươi đồng*); Nợ lãi tính đến ngày 6/8/2020 là: Lãi trong hạn: 7.506.695.602 VNĐ (*Bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm linh hai đồng*); Lãi quá hạn là: 69.295.245.229VNĐ (*Sáu mươi chín tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi chín đồng*); Phạt chậm trả lãi là: 575.071.365VNĐ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng*) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 298/2017/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 27/07/2017 và các phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn.

2.1.2 Về nghĩa vụ trả nợ: Bị đơn Công ty cổ phần T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng số tiền: 408.531.892.425VNĐ (*Bốn trăm linh tám tỷ, năm trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm chín hai nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ sau ngày 7/8/2020, Công ty cổ phần T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 298/2017/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 27/07/2017 và các phụ lục hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội và Công ty cổ phần T, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.2. Về thực hiện nghĩa vụ thế chấp: Trường hợp Công ty cổ phần T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và bị đơn Công ty cổ phần T có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ tài sản bao gồm thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của công ty T, bao gồm các tài sản đã thế chấp tại các hợp đồng thế chấp tài sản đã được ký kết giữa: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội và Công ty cổ phần T cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 77/2017/HĐTC-TC/SHB.110900 ngày 09/03/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/3/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 441/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 6/11/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 8/11/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 491/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 6/12/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 8/12/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 07/2018/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 5/1/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/2/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 35/2018/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 6/2/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/2/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội.

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 252/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 13/6/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/6/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp **hàng hóa luân chuyển** số: 260/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 16/6/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/6/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp **hàng hóa luân chuyển** số: 306/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 17/7/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/7/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp **hàng hóa luân chuyển** số: 422/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 2/10/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 2/10/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội;

- Hợp đồng thế chấp **hàng hóa luân chuyển** số: 52/2018/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 9/3/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/3/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội.

- Hợp đồng thế chấp **tài sản (máy móc thiết bị)** số: 27/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 23/01/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/02/2017 tại **Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp Hà Nội.**

- Hợp đồng thế chấp **tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai** số: 26/2017/HĐTC-PN/SHB.110900 ngày 23/01/2017, đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai ngày 24/01/2017.

(Đối với các tài sản gắn liền với đất đã được Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2020, có sơ đồ kèm theo và đây là phần không thể tách rời của quyết định)

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.3.1. Về án phí:

- Bị đơn Công ty Cổ phần T phải chịu 258.265.946VNĐ (*Hai trăm năm mươi tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 242.870.920 VNĐ (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, chín trăm hai mươi đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2012/0006616 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2.3.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phải chịu tiền chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ là: 165.851.000 VNĐ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi một nghìn đồng*). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh (1);
- VKSND TP (2);
- THADS (1);
- Đường sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án(1);
- Lưu văn phòng (1).

Vũ Thị Mai Phương